

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Petroleum Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Petroleum.,JSC, tiền thân là Công ty thuộc Công đoàn xây dựng Việt Nam, được giao cho Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng quản lý theo Quyết định số 1361/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 4 tháng 11 năm 1999. Sau đó Công ty Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo quyết định số 10A/2009/QĐ - HDQT ngày 02/02/2009 của Hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí.

Công ty có 09 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 25/01/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 22/06/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 10/8/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 02/10/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 23/6/2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 13/3/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 18/6/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 03/8/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 11/12/2009;

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty thay đổi lần thứ 9 ngày 11/12/2009 thì:

- Vốn Điều lệ: 80.000.000.000 VND (Tám mươi tỷ đồng Việt Nam)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Số cổ phần đã đăng ký mua: 5.000.000 cổ phần

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: PHH

Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Tổng Công ty Sông Hồng	70 An Dương, quận Tây Hồ, Hà Nội	(*)
2	Lê Hoàng Anh	Số 5 ngách 12/2 Nguyễn Phúc Lai, Quận Đống Đa, Hà Nội.	109.150
3	Hoàng Quốc Huy	20 ngách 165/4 Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	76.080

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

4	Đoàn Thị Bích Hà	Nhà 6C - P4 Nam Đồng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội	46.000
5	Nguyễn Hải Sơn	42B Hàng Cót, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	87.081
6	Lê Quang Việt	422/18 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	57.000
7	Lê Phong	Số 5, Hàng Bún, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội	51.600

(*) Đã chuyển nhượng cổ phần

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương);
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110kv, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hoá;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)
- Tư vấn đấu thầu;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
 - + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
 - + Dịch vụ định giá bất động sản;
 - + Dịch vụ môi giới bất động sản;
 - + Dịch vụ tư vấn bất động sản;
 - + Dịch vụ đấu giá bất động sản;
 - + Dịch vụ quảng cáo bất động sản;
 - + Dịch vụ quản lý bất động sản./.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, gồm:

Hội đồng quản trị

- Ông Lê Hoàng Anh
- Ông Hoàng Quốc Huy
- Bà Đoàn Thị Bích Hà
- Ông Trịnh Thanh Giảng
- Ông Nguyễn Phúc Thịnh

Chức vụ

- Chủ tịch
- Phó Chủ tịch
- Ủy viên
- Ủy viên
- Ủy viên

Ban Giám đốc

- Ông Hoàng Quốc Huy
- Ông Nguyễn Phúc Thịnh
- Bà Đoàn Thị Bích Hà
- Ông Huỳnh Thanh Quyết
- Ông Lê Quang Việt
- Ông Trần Văn Long
- Ông Phạm Vinh Hiển
- Bà Lê Hoài Thu

Chức vụ

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng giám đốc
- Phó Tổng giám đốc
- Phó Tổng giám đốc
- Phó Tổng giám đốc
- Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 04/02/2010)
- Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 04/02/2010)
- Kế toán trưởng

Trụ sở chính

Địa chỉ : 206A, đường Nguyễn Trãi - Từ Liêm - Hà Nội
Tel : 04 355 408 45
Fax : 04 355 408 47
Mã số thuế : 0100109674

Các đơn vị phụ thuộc

Tên chi nhánh	Địa chỉ	Giám đốc
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 96/108 đường Trục - Phường 13 - Quận Bình Thạnh - TP Hồ Chí Minh	Lê Quốc Tuấn
CN Công ty tại Hà Nội - Xí nghiệp Thi công cơ giới số 1	206A Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội	Vũ Xuân Trường
CN Công ty tại Đà Nẵng	Lô B1 - 37 Lê Thanh Nghị, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Lê Văn Tuấn

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ



Hoàng Quốc Huy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2010

Số: 603-10 /BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2010

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 được lập ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 29 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 05, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt, Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí giữ 09 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

**Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**Ngô Bá Duy**
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1107/KTV

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/06/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		319.483.352.634	266.152.293.237
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		36.636.410.778	17.531.401.526
1. Tiền	111	V.1	36.636.410.778	17.531.401.526
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	10.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		215.001.655.723	164.124.441.659
1. Phải thu của khách hàng	131		105.802.136.431	106.888.842.827
2. Trả trước cho người bán	132		24.750.985.447	29.194.111.766
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	84.448.533.845	28.041.487.066
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	61.190.258.930	67.222.391.781
1. Hàng tồn kho	141		61.190.258.930	67.222.391.781
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.655.027.203	7.274.058.271
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.755.681	6.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.2.1	6.646.271.522	7.268.058.271
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		172.064.043.812	139.014.647.954
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.491.190.004	30.724.408.671
1. TSCĐ hữu hình	221	V.4	26.125.714.268	29.486.596.208
- Nguyên giá	222		41.711.742.729	42.171.781.218
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.586.028.461)	(12.685.185.010)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	1.365.475.736	1.237.812.463
III. Bất động sản đầu tư	240	V.7	3.987.117.500	2.772.967.250
- Nguyên giá	241		3.987.117.500	2.772.967.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		137.693.280.000	103.161.580.000
1. Đầu tư vào Công ty con	251	VII.2.2	104.553.280.000	5.075.000.000
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	33.140.000.000	98.086.580.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán ĐT dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.892.456.308	2.355.692.033
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	2.892.456.308	2.355.692.033
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		491.547.396.446	405.166.941.191

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		396.751.490.983	302.864.605.595
I. Nợ ngắn hạn	310		267.837.059.343	265.605.569.435
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	27.895.046.203	28.005.680.064
2. Phải trả người bán	312		99.698.662.614	114.935.450.768
3. Người mua trả tiền trước	313		100.695.925.699	112.704.397.131
4. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	314	V.11	11.945.370.814	8.022.210.082
5. Phải trả người lao động	315		275.370.551	278.972.000
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	22.901.292.502	1.658.859.390
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4.425.390.960	-
II. Nợ dài hạn	330		128.914.431.640	37.259.036.160
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	128.914.431.640	37.259.036.160
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		94.795.905.463	102.302.335.596
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	94.795.905.463	101.340.301.239
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.844.625.000	19.879.625.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.598.167.736	6.598.167.736
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.160.300.000	1.181.300.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.082.251.900	4.082.251.900
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.110.560.827	19.598.956.603
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	962.034.357
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	962.034.357
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		491.547.396.446	405.166.941.191

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập biểu



Phạm Thị Hải Yến

Kế toán trưởng



Lê Hoài Thu

Tổng Giám đốc



Hoàng Quốc Huy



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	367.017.098.572	201.195.123.891
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.16	178.393.619	642.344.330
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.17	366.838.704.953	200.552.779.561
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	340.031.826.254	187.917.082.316
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		26.806.878.699	12.635.697.245
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	2.168.230.789	1.480.312.360
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	3.791.481.168	730.656.986
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.791.481.168	730.656.986
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.2.3	14.720.543.140	8.676.402.588
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		10.463.085.180	4.708.950.031
11. Thu nhập khác	31	VII.2.4	228.665.455	242.879.095
12. Chi phí khác	32	VII.2.5	44.529.714	169.086.196
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		184.135.741	73.792.899
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.647.220.921	4.782.742.930
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.21	2.536.660.094	405.478.208
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		8.110.560.827	4.377.264.722
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.23	1.622	1.251

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Hải Yến

Lê Hoài Thu

Hoàng Quốc Huy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01		427.260.458.760	317.780.651.398
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02		(391.172.507.726)	(261.503.818.568)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.618.075.880)	(4.377.763.377)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		(3.857.615.418)	(1.308.496.261)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(350.000.000)	(644.508.418)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		135.206.785.670	16.435.784.494
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(215.626.255.328)	(31.543.360.633)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(54.157.209.922)	34.838.488.635
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(3.246.189.000)	(1.636.144.964)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn khác	22		411.532.000	118.927.500
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(21.715.700.000)	(11.490.000.000)
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.168.230.789	1.480.312.360
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.382.126.211)	(11.526.905.104)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu (*)	31		9.216.504.000	411.810.000
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		144.519.811.726	111.562.354.973
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(52.975.050.107)	(94.663.010.795)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.116.920.234)	(2.169.400.493)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		95.644.345.385	15.141.753.685
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		19.105.009.252	38.453.337.216
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.531.401.526	38.364.260.176
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	36.636.410.778	76.817.597.392

(*) : tiền thu từ phát hành cổ phiếu đang trong tài khoản phong tỏa chưa ghi tăng vốn

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập biểu

Phạm Thị Hải Yến

Kế toán trưởng

Lê Hoài Thu

Tổng Giám đốc



Hoàng Quốc Huy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Petroleum Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Petroleum.,JSC, tiền thân là Công ty thuộc Công đoàn xây dựng Việt Nam, được giao cho Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng quản lý theo Quyết định số 1361/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 4 tháng 11 năm 1999. Sau đó Công ty Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo quyết định số 10A/2009/QĐ – HDQT ngày 02/02/2009 của Hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí.

Công ty có 09 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 25/01/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 22/06/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 10/8/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 02/10/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 23/6/2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 13/3/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 18/6/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 03/8/2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 11/12/2009;

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 9 ngày 11/12/2009 thì:

- Vốn Điều lệ: 80.000.000.000 VND (Tám mươi tỷ đồng Việt Nam)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Số cổ phần đã đăng ký mua: 5.000.000 cổ phần

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: PHH

Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Tổng Công ty Sông Hồng	70 An Dương, quận Tây Hồ, Hà Nội	(*)
2	Lê Hoàng Anh	Số 5 ngách 12/2 Nguyễn Phúc Lai, Quận Đống Đa, Hà Nội.	109.150
3	Hoàng Quốc Huy	20 ngách 165/4 Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	76.080
4	Đoàn Thị Bích Hà	Nhà 6C - P4 Nam Đồng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội	46.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

5	Nguyễn Hải Sơn	42B Hàng Cót, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	87.081
6	Lê Quang Việt	422/18 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	57.000
7	Lê Phong	Số 5, Hàng Bún, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội	51.600

() Đã chuyển nhượng cổ phần*

Trụ sở Công ty tại: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04 35 540 845

Fax: 04 35 540 847

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương);
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110kv, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hoá;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

- Tư vấn đầu thầu;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
 - + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
 - + Dịch vụ định giá bất động sản;
 - + Dịch vụ môi giới bất động sản;
 - + Dịch vụ tư vấn bất động sản;
 - + Dịch vụ đấu giá bất động sản;
 - + Dịch vụ quảng cáo bất động sản;
 - + Dịch vụ quản lý bất động sản./.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng tiền Việt Nam ("VND"). Hạch toán theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các quy định của Luật kế toán Việt Nam số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, sử dụng phần mềm kế toán EASY Accounting. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt, chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25
- Phương tiện vận tải	5 - 10
- Máy móc thiết bị	2 - 7
- Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

3.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lô đất 1269 khu B1-35 Tây Nam Hòa Cường - Phường Hòa Cường Nam - TP Đà Nẵng và 03 lô đất tại Bình Hòa - Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp hình thành bất động sản đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty con là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1, Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Quản lý Xây

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

dụng Hồng Hà, Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí, Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công, Công ty TNHH XD&TM Quang Long.

Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Đức Hoàng và góp vốn vào Công ty TNHH ChacKKaPhanh MiNing Group và Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào, được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày đầu tư.

Tại thời điểm 30/6/2010, Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí lãi vay được vốn hoá vào Bất động sản đầu tư là khoản chi phí lãi vay thực tế phải trả Ngân hàng mà Công ty vay để đầu tư lô đất Bình Hòa - Bình Thạnh - Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị lợi thế vị trí địa lý, giá trị thương hiệu và chi phí máy móc thiết bị văn phòng... có thời gian phân bổ từ 12 - 24 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, doanh thu chuyển nhượng Bất động sản, doanh thu bán, cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê văn phòng, nhà xưởng và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - “Hợp đồng xây dựng”.

Doanh thu chuyển nhượng Bất động sản được ghi nhận theo hợp đồng, biên bản bàn giao được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu bán máy móc thiết bị được xác định khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng được xác định theo thời gian cho thuê thực tế, giá trị hóa đơn giá trị gia tăng đã xuất cho khách hàng và biên bản nghiệm thu thanh lý.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, sau khi đã trừ đi phần chi phí lãi vay được vốn hóa, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

(tiếp theo)

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

10.1. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định các khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Tại thời điểm 30/6/2010, Công ty không tiến hành trích lập dự phòng các khoản công nợ phải thu khó đòi.

10.2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

10.3. Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

10.4. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% hoặc 5% tùy theo từng mặt hàng.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25 % trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác:

Ngoài ra, các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

10.5. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn của Công ty gồm: Giá vốn hoạt động xây lắp, hoạt động chuyển nhượng Bất động sản, cho thuê Thiết bị, bán Vật tư.

Giá vốn của hoạt động xây lắp được xác định theo chi phí thực tế của từng công trình.

Giá vốn chuyển nhượng Bất động sản, bán vật tư là toàn bộ các chi phí hình thành Bất động sản và vật tư.

Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị và cho thuê mặt bằng nhà xưởng là chi phí khấu hao và các chi phí khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền**

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	335.380.208	407.964.738
Văn phòng Công ty	209.083.610	135.323.787
Xí nghiệp Thi công cơ giới số 1	30.904.302	12.923.608
Chi nhánh Đà Nẵng	19.638.277	11.516.876
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	75.754.019	113.696.197
Xí nghiệp Thi công cơ giới số 2	-	134.504.270
Tiền gửi ngân hàng	36.301.030.570	17.123.436.788
Văn phòng Công ty	35.160.744.312	16.056.921.849
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN tây Hà Nội	4.217.613.123	3.363.636.366
- VND	4.217.613.123	3.363.636.366
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	30.943.131.189	12.693.285.483
- VND	30.943.131.189	12.693.285.483
Xí nghiệp Thi công cơ giới số 1	107.226.083	181.694.721
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân	107.226.083	181.694.721
Chi nhánh Đà Nẵng	92.741.853	43.293.442
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng	92.741.853	43.293.442
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	940.318.322	841.526.776
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Bắc Sài Gòn	940.318.322	841.526.776
Tổng cộng	36.636.410.778	17.531.401.526

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Tây Hà Nội	-	10.000.000.000
Tổng cộng	-	10.000.000.000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khác	84.448.533.845	28.041.487.066
Nhạc viện Hà Nội	45.000.000	45.000.000
Công ty Xây dựng số 24	155.970.336	155.970.336

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(tiếp theo)

Thu thanh lý tài sản	-	160.000.000
Bảo hiểm y tế	10.080.821	128.566.620
Cổ tức tạm chia	-	4.979.880.000
Công ty Chứng khoán VN Direct	-	50.000.000
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	10.340.917.500	8.840.785.500
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long	7.340.000.000	-
Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	55.000.000.000	-
Dự án chung cư 407 Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu	3.436.929.990	3.436.929.990
Công ty Luật Khai Phong & Cộng sự	33.750.000	33.750.000
CTy quảng cáo truyền thông Sao Kim	13.725.000	-
CTy phần mềm truyền thông QTé ba sao - Website Sàn GD	-	9.000.000
CTy Việt Hàn - Vay vốn	-	2.000.000.000
Đặt cọc mua cổ phần của Công ty CP Thanh Phong	-	183.600.000
CTy BTông & XD Vinaconex Xuân Mai (dự án K3B Thành Công)	100.000.000	100.000.000
CTy TBị công nghiệp Anh Vũ - Cần cầu tháp	1.500.000.000	1.500.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	48.527.998	960.118
TT Tư vấn chuyển giao công nghệ nước sạch và môi trường	140.517.000	140.517.000
Ông Trung Anh	230.660.132	230.660.132
Văn phòng luật sư Nam Giang	5.000.000	-
Đối tượng khác	6.047.455.068	6.045.867.370
Tổng cộng	84.448.533.845	28.041.487.066

5. Hàng tồn kho

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</i>	61.190.258.930	67.222.391.781
Văn phòng Công ty	51.120.234.516	56.129.942.806
Xí nghiệp Thi công cơ giới số 1	2.517.385.975	1.574.677.140
Chi nhánh Đà Nẵng	1.971.115.043	196.242.833
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	5.581.523.396	9.321.529.002
Tổng cộng	61.190.258.930	67.222.391.781

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
<i>Văn phòng Công ty</i>	1.365.475.736	1.237.812.463
Cao ốc VP 407 Nguyễn An Ninh	1.365.475.736	1.237.812.463
Tổng cộng	1.365.475.736	1.237.812.463

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
(tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
- Số dư ngày 01/01/2010	5.771.803.224	30.324.822.519	5.463.259.948	611.895.527	42.171.781.218
- Mua trong năm	-	-	-	125.690.000	125.690.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(585.728.489)	-	-	(585.728.489)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 30/06/2010	5.771.803.224	29.739.094.030	5.463.259.948	737.585.527	41.711.742.729
Giá trị hao mòn lũy kế					
- Số dư ngày 01/01/2010	1.122.003.253	9.762.372.007	1.531.371.900	269.437.850	12.685.185.010
- Khấu hao trong năm	248.466.600	2.654.724.712	470.651.400	70.118.967	3.443.961.679
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(543.118.228)	-	-	(543.118.228)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
- Số dư ngày 30/06/2010	1.370.469.853	11.873.978.491	2.002.023.300	339.556.817	15.586.028.461
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2010	4.649.799.971	20.562.450.512	3.931.888.048	342.457.677	29.486.596.208
- Tại ngày 30/06/2010	4.401.333.371	17.865.115.539	3.461.236.648	398.028.710	26.125.714.268

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.709.045.683 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(tiếp theo)

7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	01/01/2010	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND	
				30/06/2010	
Nguyên giá BĐS đầu tư	2.772.967.250	3.171.884.250	1.957.734.000	3.987.117.500	
Nhà biệt thự	-	-	-	-	
Quyền sử dụng đất	2.772.967.250	3.171.884.250	1.957.734.000	3.987.117.500	
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-	
Nhà biệt thự	-	-	-	-	
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-	
Giá trị còn lại bất động sản đầu tư	2.772.967.250			3.987.117.500	
Nhà biệt thự	-			-	
Quyền sử dụng đất	2.772.967.250			3.987.117.500	

8. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty TNHH ChacKKaPhanh MiNing Group	18.940.000.000	-
Công ty Cổ phần Đức Hoàng	10.000.000.000	-
Công ty CP KD Tổng hợp Việt Lào	2.200.000.000	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Thanh Phong	-	20.098.580.000
Cty TNHH XD&TM Quang Long	-	9.078.000.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	-	66.910.000.000
Tổng cộng	33.140.000.000	98.086.580.000

9. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh	112.466.045	149.954.726
Giá trị lợi thế vị trí địa lý	1.035.137.457	1.380.183.275
Giá trị thương hiệu	150.000.000	200.000.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	469.852.807	625.554.032
Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	1.125.000.000	-
Tổng cộng	2.892.456.308	2.355.692.033

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(tiếp theo)

10. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Văn phòng Công ty	24.000.088.895	25.793.100.060
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân	3.151.355.512	25.793.100.060
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN tây Hà Nội	20.848.733.383	-
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	3.894.957.308	2.212.580.004
Ngân hàng TMCP Quân đội CN Bắc Sài Gòn	3.894.957.308	2.212.580.004
Tổng cộng	27.895.046.203	28.005.680.064

11. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước

Khoản mục	01/01/2010	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND
				30/06/2010
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.921.174.021	12.932.098.770	11.122.904.116	8.730.368.675
Thuế TNDN	960.592.685	2.536.660.094	350.000.000	3.147.252.779
Thuế thu nhập cá nhân	140.443.376	514.140.167	586.834.183	67.749.360
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.022.210.082			11.945.370.814

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Văn phòng Công ty	22.425.932.318	1.031.151.345
Kinh phí công đoàn	86.430.482	83.742.111
Bảo hiểm xã hội	10.080.821	-
Cổ tức phải trả	304.478.000	151.278.234
Công ty Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn	390.000.000	390.000.000
CTy công nghệ QLý và tin học - Website	-	3.600.000
Công ty Thương mại Dịch vụ HTX	43.000.000	43.000.000
Trường trung cấp cảnh sát vũ trang	200.000.000	200.000.000
Tổng Công ty CP xây lắp dầu khí VN - Ủng hộ Trường sa	15.938.025	18.880.000
Công ty ĐTTM Du lịch Thắng Lợi	76.020.990	-
CTy CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí - vay vốn	12.000.000.000	-
Tiền bán cổ phần	9.216.504.000	-
Phải trả khác	83.480.000	140.651.000
Xí nghiệp Thi công cơ giới số 1	256.768.000	32.514.000
Đặt cọc thuê thiết bị	256.768.000	32.514.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(tiếp theo)

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	218.592.184	195.194.045
Kinh phí công đoàn	74.925.215	25.111.775
Bảo hiểm xã hội	60.512.242	100.962.218
Bảo hiểm y tế	10.639.754	13.193.715
Bảo hiểm thất nghiệp	4.637.060	6.881.917
Phải trả tiền cổ tức	-	950.000
Thuế TNCN	1.774.994	2.227.050
Phải trả tiền thuế GTGT	45.867.370	45.867.370
Phải trả khác	20.235.549	-
Xí nghiệp Thi công cơ giới số 2	-	400.000.000
Phải trả khác	-	400.000.000
Tổng cộng	22.901.292.502	1.658.859.390

13. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Văn phòng Công ty	128.914.431.640	37.259.036.160
Vay dài hạn	128.914.431.640	37.259.036.160
Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thanh Xuân	28.914.431.640	37.259.036.160
Trái phiếu phát hành	100.000.000.000	-
Tổng cộng	128.914.431.640	37.259.036.160

14. Vốn chủ sở hữu

14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2009	20.000.000.000	13.598.375.000	6.385.142.972	39.983.517.972
Tăng vốn trong năm trước	30.000.000.000	6.625.000.000	-	36.625.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	19.598.956.603	19.598.956.603
Giảm khác	-	(343.750.000)	(6.385.142.972)	(6.728.892.972)
Số dư ngày 31/12/2009	50.000.000.000	19.879.625.000	19.598.956.603	89.478.581.603
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	8.110.560.827	8.110.560.827
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	(35.000.000)	(19.598.956.603)	(19.633.956.603)
Số dư ngày 30/06/2010	50.000.000.000	19.844.625.000	8.110.560.827	77.955.185.827

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(tiếp theo)

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	50.000.000.000	50.000.000.000
Tổng cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

14.3 Các quỹ của doanh nghiệp

	01/01/2010	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/6/2010
Quỹ đầu tư phát triển	6.598.167.736	4.000.000.000	-	10.598.167.736
Quỹ dự phòng tài chính	1.181.300.000	979.000.000	-	2.160.300.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.082.251.900	-	-	4.082.251.900
Tổng cộng	11.861.719.636	4.979.000.000	-	16.840.719.636

14.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận, được chia:

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
Vốn góp đầu năm	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.250.000.000

14.5 Cổ phiếu:

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	5.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	-
<i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi:</i>	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại:	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	5.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	5.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi:</i>	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

15. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	361.941.356.664	197.460.529.214
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	4.050.000.000	-
Doanh thu khác	1.025.741.908	3.734.594.677
Tổng cộng	367.017.098.572	201.195.123.891

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Giảm giá hàng bán (điều chỉnh giảm quyết toán công trình)		
Hoạt động xây lắp	178.393.619	642.344.330
Tổng cộng	178.393.619	642.344.330

17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	361.762.963.045	196.818.184.884
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bất động sản	4.050.000.000	-
Doanh thu thuần khác	1.025.741.908	3.734.594.677
Tổng cộng	366.838.704.953	200.552.779.561

18. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	337.428.732.801	185.515.333.751
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	1.762.734.000	-
Giá vốn hoạt động khác	840.359.453	2.401.748.565
Tổng cộng	340.031.826.254	187.917.082.316

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(tiếp theo)

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Lãi tiền gửi Ngân hàng	535.139.122	1.331.512.360
Lãi cổ tức, trái phiếu	558.500.000	148.800.000
Lãi khác	1.074.591.667	-
Tổng cộng	2.168.230.789	1.480.312.360

20. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Lãi vay Ngân hàng	3.256.149.168	730.656.986
Lãi vay khác	535.332.000	-
Tổng cộng	3.791.481.168	730.656.986

21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	368.677.101.197	202.127.171.016
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	358.530.460.821	197.493.228.086
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	10.146.640.376	4.633.942.930
Trong đó:		
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25% x70% x50%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (2) = (1) x 25%	2.536.660.094	405.478.208
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành = (2) + (3)	2.536.660.094	405.478.208

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(tiếp theo)

22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	292.073.255.031	197.793.784.454
Chi phí nhân công	54.488.419.002	26.583.339.013
Chi phí máy thi công	11.577.963.554	22.192.898.066
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.443.961.679	1.254.592.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	41.776.941.330	23.908.184.350
Tổng cộng	403.360.540.596	271.732.798.129

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.110.560.827	4.377.264.722
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.110.560.827	4.377.264.722
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.622	1.251

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin với các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.918.338.183	2.053.941.374
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	6.503.774.546	-
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà số 1	Công ty con	414.563.637	2.053.941.374
Chi phí		44.150.201.105	38.376.993.740
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà số 1	Công ty con	44.024.717.832	38.376.993.740
Công ty CP TVTK Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	125.483.273	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(tiếp theo)

1.2 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	30/6/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu khách hàng		205.838.500	204.709.500
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà số 1	Công ty con	205.838.500	204.709.500
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	7.206.152.000	-
Trả trước người bán		10.789.280.108	6.545.007.074
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà số 1	Công ty con	10.789.280.108	6.545.007.074
Phải trả người bán		14.378.001.881	31.561.430.230
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà số 1	Công ty con	14.378.001.881	31.561.430.230
Cho vay		17.680.917.500	-
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	10.340.917.500	-
Công ty TNHH XD&TM Quang Long	Công ty con	7.340.000.000	-
Đi vay		12.000.000.000	-
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	12.000.000.000	-

2. Những thông tin khác**2.1 Tài sản ngắn hạn khác**

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Tạm ứng	109.224.000	87.522.401
Văn phòng Công ty	36.797.300	42.230.400
<i>Ngô Thị Ngọc Lan</i>	36.797.300	42.230.400
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	45.450.000	45.292.001
<i>Lê An Giang</i>	5.500.000	3.000.000
<i>Nguyễn Quang Liên</i>	-	21.309.000
<i>Nguyễn Ngọc Lương</i>	27.850.000	13.460.001
<i>Nguyễn Thị Hồng Nhung</i>	1.500.000	1.500.000
<i>Ngô Trung Hưng</i>	10.000.000	-
<i>Hồ Quang Thái</i>	600.000	-
<i>Nguyễn Minh Trí</i>	-	6.023.000
Chi nhánh Đà Nẵng	26.976.700	-
<i>Lê Văn Tuấn</i>	26.866.000	-
<i>Phan Thanh Sơn</i>	110.700	-
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.537.047.522	7.180.535.870

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(tiếp theo)

Văn phòng Công ty	6.501.262.622	7.005.785.870
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	6.501.262.622	7.005.785.870
- VND	6.501.262.622	7.005.785.870
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	35.784.900	174.750.000
Đặt cọc thuê máy photocopy	-	-
Ký quỹ Bưu điện	5.000.000	5.000.000
Ký quỹ bảo lãnh NHTMCP Quân đội	6.984.900	169.750.000
Đặt cọc thuê xe ô tô	10.000.000	
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	13.800.000	
Tổng cộng	6.646.271.522	7.268.058.271

2.2 Đầu tư vào Công ty con

	30/06/2010		01/01/2010	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	306.000	3.060.000.000	306.000	3.060.000.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Quản lý xây dựng Hồng Hà	102.000	1.020.000.000	99.500	995.000.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí	102.000	1.020.000.000	102.000	1.020.000.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	3.366.000	66.910.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công		23.031.780.000	-	-
Công ty TNHH XD&TM Quang Long		9.511.500.000	-	-
Tổng cộng		104.553.280.000		5.075.000.000

2.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.378.157.194	4.756.072.077
Chi phí vật liệu quản lý	-	32.607.000
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.175.018.074	722.857.696
Chi phí Khấu hao Tài sản cố định	1.186.562.187	595.513.584

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(tiếp theo)

Thuế, phí, lệ phí	23.750.000	32.272.819
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.388.454.841	1.904.243.938
Chi phí bằng tiền khác	1.568.600.844	632.835.474
Tổng cộng	14.720.543.140	8.676.402.588

2.4 Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Thu từ thanh lý Tài sản cố định	228.665.455	242.879.095
Tổng cộng	228.665.455	242.879.095

2.5 Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Giá trị còn lại của Tài sản cố định thanh lý	42.610.261	169.086.196
Chi phí khác	1.919.453	-
Tổng cộng	44.529.714	169.086.196

3 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến 30/6/2009 do Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí lập.

Người lập biểu



Phạm Thị Hải Yến

Kế toán trưởng



Lê Hoài Thu

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ



Tổng Giám đốc

Hoàng Quốc Huy

